

KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LỚP 11A1

Năm học 2024 - 2025

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Ghi chú
1	054121	VŨ MAI ANH	31/07/2008	11A1	2.7	8.50	
2	054122	NGUYỄN NHẬT ANH	12/03/2008	11A1	3.75	6.50	
3	054162	NGUYỄN MINH ÁNH	27/01/2008	11A1	5	5.00	
4	054176	TRẦN KIM CHI	16/10/2008	11A1	2.75	7.00	
5	054182	NGUYỄN CAO CƯỜNG	18/10/2008	11A1	5.25	4.75	
6	054188	TRƯỜNG TUẤN ĐẠT	17/09/2008	11A1	4.75	6.25	
7	054197	LÊ MINH ĐỨC	09/08/2008	11A1	6.25	3.50	
8	054198	PHÙNG MINH ĐỨC	26/10/2008	11A1	3.35	6.00	
9	054205	NGUYỄN TIẾN DŨNG	20/11/2008	11A1	3.5	5.75	
10	054206	NGUYỄN TRÍ DŨNG	03/11/2008	11A1	3	5.00	
11	054225	TÔ MỸ DUYÊN	17/09/2008	11A1	4.5	7.50	
12	054227	NGUYỄN GIA GIANG	13/05/2008	11A1	6.75	5.00	
13	054241	DƯƠNG THANH HẰNG	06/08/2008	11A1	4.85	7.25	
14	054244	ĐÀO QUANG HIỆP	16/11/2008	11A1	4.75	5.50	
15	054245	BÙI MINH HIẾU	15/09/2008	11A1	4.5	5.25	
16	054246	NGUYỄN MINH HIẾU	01/11/2008	11A1	4.85	5.25	
17	054262	TRẦN TUẤN HÙNG	25/07/2008	11A1	2.5	5.00	
18	054269	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	10/05/2008	11A1	3.35	6.00	
19	054283	NGUYỄN THỊ HUYỀN	30/11/2008	11A1	3.85	5.75	
20	054293	NGUYỄN MINH KHÔI	11/06/2008	11A1	6.25	4.50	
21	054294	TRƯỜNG TRÍ KIÊN	18/12/2008	11A1	3.6	6.50	
22	054297	VŨ ANH KIẾT	14/10/2008	11A1	5	6.50	
23	054302	ÂU HÀ LINH	11/12/2008	11A1	3.75	6.75	
24	054303	NGUYỄN KHÁNH LINH	15/02/2008	11A1	3.35	5.25	
25	054304	NGUYỄN KHÁNH LINH	05/04/2008	11A1	5	7.25	
26	054305	VŨ THỊ HÀ LINH	28/05/2008	11A1	4.5	6.75	
27	054306	BÙI TRẦN NGỌC LINH	06/11/2008	11A1	5	6.00	
28	054332	DƯƠNG NHẬT LONG	02/10/2008	11A1	7.25	4.00	
29	054336	CAO NGUYỄN THẢO LY	09/01/2008	11A1	5	7.00	
30	054347	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	05/01/2008	11A1	3.85	5.25	
31	054352	CAO NGỌC MINH	30/05/2008	11A1	3.25	5.50	
32	054378	NGUYỄN BẢO NGỌC	12/09/2008	11A1	6.6	5.50	
33	054379	BÙI MINH NGỌC	18/11/2008	11A1	5.25	4.75	
34	054385	HOÀNG THẢO NGUYỄN	05/05/2008	11A1	2.5	6.25	
35	054388	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	15/01/2008	11A1	2.85	5.00	
36	054401	LÊ VŨ KIỀU OANH	29/01/2008	11A1	3.1	7.00	
37	054409	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	27/07/2008	11A1	4	6.75	
38	054433	ĐINH TIẾN SƠN	28/08/2008	11A1	4.75	6.25	
39	054434	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	26/05/2008	11A1	5.1	8.25	
40	054441	ĐINH CAO THẮNG	18/01/2008	11A1	5	7.50	
41	054449	HOÀNG DIỆU THẢO	28/02/2008	11A1	4.35	6.00	
42	054459	NGUYỄN THỊ ANH THU	06/04/2008	11A1	3.5	6.50	
43	054466	LÊ THANH THỦY	10/10/2008	11A1	6	7.00	
44	054474	CAO HUYỀN TRANG	26/10/2008	11A1	5.75	5.75	
			>=5	>=5	16	39	
			TĐ	TĐ	194.75	264.5	
			BQ	BQ	4.33	6.01	

KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LỚP 11A2

Năm học 2024 - 2025

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Ghi chú
1	054123	BÙI MINH ANH	18/02/2008	11A2	3.5	8.00	
2	054124	LÊ THẾ ANH	22/07/2008	11A2	3.35	6.50	
3	054125	NGUYỄN ĐỨC ANH	12/07/2008	11A2	3.1	6.00	
4	054126	TRẦN THỊ NGỌC ANH	23/03/2008	11A2	3.1	6.25	
5	054172	BÙI ĐỨC BÌNH	26/06/2008	11A2	5	5.50	
6	054196	LƯƠNG HUYỀN DIỆU	16/05/2008	11A2	4.25	5.00	
7	054199	NGUYỄN MINH ĐỨC	26/03/2008	11A2	3.6	5.75	
8	054228	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	11/12/2008	11A2	2.75	4.00	
9	054233	DƯƠNG MẠNH HẢI	06/10/2008	11A2	4	5.50	
10	054242	LÊ MINH HẰNG	24/04/2008	11A2	5.75	6.00	
11	054256	ĐẶNG HUY HOÀNG	28/07/2008	11A2	4	7.50	
12	054257	NGUYỄN HUY HOÀNG	30/12/2008	11A2	4.75	5.50	
13	054263	ĐINH MẠNH HÙNG	23/07/2008	11A2	3.75	5.50	
14	054266	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH HÙNG	02/11/2008	11A2	2.75	4.25	
15	054284	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	25/03/2008	11A2	4.5	7.25	
16	054288	LƯU NGUYỄN TUẤN KHANG	08/12/2008	11A2	2.45	6.25	
17	054298	NGUYỄN XUÂN LÂM	02/07/2008	11A2	2.25	5.75	
18	054307	DƯƠNG GIA LINH	04/08/2008	11A2	3.5	7.00	
19	054308	LÊ HÀ LINH	10/10/2008	11A2	5.25	6.50	
20	054309	LƯƠNG HÀ LINH	28/10/2008	11A2	3.5	6.00	
21	054310	LƯU THỊ THÙY LINH	19/06/2008	11A2	3	6.25	
22	054311	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	07/10/2008	11A2	3.1	6.00	
23	054312	NGUYỄN THÙY LINH	04/10/2008	11A2	2.25	7.50	
24	054313	NGUYỄN THÙY LINH	02/07/2008	11A2	4	7.00	
25	054333	NGUYỄN ĐỨC LONG	02/03/2008	11A2	5.35	5.25	
26	054337	LƯƠNG KHÁNH LY	17/11/2008	11A2	3.6	6.50	
27	054340	TRẦN THU MAI	02/10/2008	11A2	2.75	5.25	
28	054353	TRƯƠNG HIỆU MINH	09/06/2008	11A2	3.85	4.50	
29	054363	NGUYỄN HUY NAM	21/06/2008	11A2	4	5.50	
30	054369	NGUYỄN THANH NGA	02/02/2008	11A2	4.5	5.75	
31	054372	HOÀNG KIM NGÂN	08/07/2008	11A2	4.75	6.25	
32	054373	NGUYỄN THANH NGÂN	02/02/2008	11A2	4.6	7.25	
33	054380	ĐOÀN YẾN NGỌC	05/02/2008	11A2	3.7	4.75	
34	054389	DƯƠNG TUYẾT NHI	26/10/2008	11A2	3.1	7.75	
35	054410	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	17/06/2008	11A2	-1	-1.00	
36	054411	PHẠM THỊ HÀ PHƯƠNG	09/04/2008	11A2	4.75	7.00	
37	054423	NGUYỄN ĐỨC QUANG	28/12/2008	11A2	2.1	4.50	
38	054439	TRỊNH MINH TÂM	30/09/2008	11A2	4	6.25	
39	054440	VŨ THỊ THẨM	08/09/2008	11A2	5	8.00	
40	054460	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	01/02/2008	11A2	3.75	6.50	
41	054475	NGUYỄN HUYỀN TRANG	19/07/2008	11A2	5.35	5.75	
42	054476	NGUYỄN THU TRANG	02/12/2008	11A2	4.75	5.75	
43	054490	ĐÀO NGUYỄN ANH TỬ	15/03/2008	11A2	2.25	6.75	
44	054497	NGUYỄN SƠN TÙNG	01/07/2008	11A2	4.25	3.50	
45	054506	ĐINH THÀNH VINH	22/01/2008	11A2	3	5.75	
46	054511	DƯƠNG HẢI YẾN	09/10/2008	11A2	4.85	6.25	
			>=5	>=5	6	39	
			TĐ	TĐ	170.7	270.5	
			BQ	BQ	3.71	5.88	

KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LỚP 11A3

Năm học 2024 - 2025

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Ghi chú
1	054119	NGUYỄN THỊ THANH AN	11/12/2008	11A3	5.85	8.00	
2	054127	DƯƠNG MINH ANH	11/04/2008	11A3	6	7.25	
3	054128	ĐÀO VIỆT ANH	22/09/2008	11A3	4.75	5.00	
4	054129	NGUYỄN NHẬT ANH	26/09/2008	11A3	3.1	7.50	
5	054130	NGUYỄN QUỲNH ANH	13/09/2008	11A3	3.85	7.25	
6	054131	NGUYỄN THỊ LAN ANH	24/10/2008	11A3	4.1	5.00	
7	054132	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	02/03/2008	11A3	5.75	5.25	
8	054163	PHAN NGỌC ANH	29/09/2008	11A3	5.5	7.00	
9	054175	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	11/12/2008	11A3	4.85	5.25	
10	054183	NGUYỄN QUANG CƯỜNG	10/04/2008	11A3	6	5.75	
11	054189	VŨ TIẾN ĐẠT	21/10/2008	11A3	4.25	3.75	
12	054215	NGUYỄN THỊ BẠCH DƯƠNG	15/01/2008	11A3	3.75	6.50	
13	054216	PHẠM ĐĂNG DƯƠNG	25/06/2008	11A3	6.75	6.50	
14	054238	HOÀNG ĐỨC NGỌC HÂN	17/09/2008	11A3	4.75	6.00	
15	054247	ĐỖ MẠNH HIỆU	14/11/2008	11A3	3.5	5.50	
16	054248	PHÙNG MINH HIỆU	29/08/2008	11A3	2.85	5.25	
17	054270	VŨ THU HƯƠNG	30/10/2008	11A3	3.25	5.00	
18	054276	HOÀNG GIA HUY	31/10/2008	11A3	4.1	4.00	
19	054277	LÊ GIA HUY	25/07/2008	11A3	2.85	3.25	
20	054289	ĐOÀN MẠNH KHANG	07/11/2008	11A3	3.1	5.25	
21	054314	CHU NHẬT LINH	29/09/2008	11A3	3.35	5.00	
22	054315	NGUYỄN HÀ LINH	29/12/2008	11A3	4.25	7.50	
23	054316	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	19/10/2008	11A3	3.75	5.50	
24	054334	NGUYỄN HỮU THÀNH LONG	17/03/2008	11A3	3.25	3.50	
25	054338	NGUYỄN HƯƠNG LY	18/02/2008	11A3	4.25	6.25	
26	054341	NGUYỄN NGỌC MAI	12/09/2008	11A3	3.5	4.00	
27	054342	NGUYỄN THANH MAI	17/07/2008	11A3	4.5	5.25	
28	054343	VŨ TUYẾT MAI	26/03/2008	11A3	4	5.75	
29	054348	NGUYỄN TIẾN MẠNH	13/12/2008	11A3	4.1	5.50	
30	054354	TRỊNH GIA MINH	27/10/2008	11A3	3.85	3.75	
31	054381	NGUYỄN BÍCH NGỌC	02/04/2008	11A3	3.6	4.75	
32	054403	NGUYỄN VĂN PHÚC	25/10/2008	11A3	3.85	5.75	
33	054404	NGUYỄN XUÂN PHÚC	11/10/2008	11A3	4.35	5.50	
34	054412	VŨ HÀ PHƯƠNG	19/03/2008	11A3	3.75	5.50	
35	054419	HOÀNG QUỐC QUÂN	01/01/2008	11A3	4.35	3.50	
36	054424	NGUYỄN HỮU NHẬT QUANG	02/10/2008	11A3	4.5	6.00	
37	054442	NGUYỄN CÔNG THẮNG	20/07/2008	11A3	6.1	8.50	
38	054450	LIU PHƯƠNG THẢO	15/01/2008	11A3	3.75	6.25	
39	054461	NGUYỄN MINH THỨ	19/11/2008	11A3	2.35	7.25	
40	054464	NGUYỄN THANH THÚY	09/07/2008	11A3	6.25	7.75	
41	054470	CAO VĂN TOÀN	01/08/2008	11A3	8	7.00	
42	054477	NGUYỄN QUỲNH TRANG	16/02/2008	11A3	6	7.50	
43	054478	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	01/09/2008	11A3	6.25	7.00	
44	054479	TRẦN THUY TRANG	16/04/2008	11A3	3.75	7.50	
45	054491	NGUYỄN ANH TỬ	25/12/2008	11A3	3.35	1.50	
46	054501	NGUYỄN TRẦN TUẤN VIỆT	13/09/2008	11A3	2.85	1.75	
47	054507	PHÙNG THẾ VINH	17/07/2008	11A3	3.75	5.00	
			>=5	>=5	11	37	
			TĐ	TĐ	204.5	264.25	
			BQ	BQ	4.35	5.62	

KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LỚP 11A4

Năm học 2024 - 2025

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Ghi chú
1	054133	ĐINH LÊ TUẤN ANH	03/10/2008	11A4	3.2	6.75	
2	054134	ĐINH THỊ LAN ANH	21/09/2008	11A4	5	6.50	
3	054135	LÃ DUY ANH	14/04/2008	11A4	2.5	3.50	
4	054136	LÃ THỊ LAN ANH	05/07/2008	11A4	5.6	6.75	
5	054137	LÊ NGUYỄN HUYỀN ANH	11/03/2008	11A4	4.35	5.50	
6	054138	TRẦN PHƯƠNG ANH	02/05/2008	11A4	4.25	5.25	
7	054164	NGUYỄN NGỌC ÁNH	26/06/2008	11A4	5.5	7.25	
8	054165	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	21/07/2008	11A4	5.75	5.50	
9	054180	NGUYỄN NGỌC ANH CHIẾN	26/08/2008	11A4	5.25	5.75	
10	054190	ĐẶNG TIẾN ĐẠT	02/10/2008	11A4	4	4.50	
11	054200	DƯƠNG QUÝ ĐỨC	16/12/2008	11A4	4	6.00	
12	054201	NGUYỄN VŨ ANH ĐỨC	13/09/2008	11A4	3.5	4.75	
13	054217	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	13/06/2008	11A4	4.25	6.00	
14	054231	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	11/11/2008	11A4	4	5.75	
15	054234	ĐINH TIẾN HẢI	26/06/2008	11A4	3.6	6.50	
16	054235	ĐINH TRƯỜNG HẢI	14/12/2008	11A4	4.5	3.75	
17	054243	LÊ THỊ MINH HẰNG	05/10/2008	11A4	4.25	6.50	
18	054249	ĐỖ TRUNG HIỆU	25/12/2008	11A4	4.25	5.75	
19	054253	PHẠM ĐỨC HIỆU	28/09/2008	11A4	5.6	6.50	
20	054258	LIU TRỌNG HOÀNG	08/01/2008	11A4	4.5	4.75	
21	054267	NGUYỄN QUỐC HÙNG	24/05/2008	11A4	3.1	4.25	
22	054271	VƯƠNG THỊ THUYẾT HƯƠNG	20/07/2008	11A4	3.5	6.25	
23	054278	TRƯỜNG TRỌNG GIA HUY	22/12/2008	11A4	4.25	5.75	
24	054285	ĐINH THỊ THANH HUYỀN	04/03/2008	11A4	-1	-1.00	
25	054290	ĐÀM DUY KHÁNH	29/09/2008	11A4	4.1	5.25	
26	054295	HOÀNG TRUNG KIÊN	08/09/2008	11A4	3	4.25	
27	054296	PHẠM TRUNG KIÊN	09/03/2008	11A4	2.95	3.00	
28	054317	VŨ NGỌC LINH	26/05/2008	11A4	3.5	5.75	
29	054349	DƯƠNG HOÀNG MẠNH	01/08/2008	11A4	3.6	4.75	
30	054355	PHẠM BÌNH MINH	18/11/2008	11A4	4.6	5.00	
31	054361	NGUYỄN THỊ TRẢ MY	30/05/2008	11A4	4.5	5.75	
32	054374	TRẦN THU NGÂN	21/10/2008	11A4	3.1	6.25	
33	054382	VŨ NHƯ NGỌC	08/06/2008	11A4	3.1	6.75	
34	054390	PHẠM LAN NHI	19/10/2008	11A4	6.75	5.25	
35	054402	NGUYỄN HỮU PHÚ	17/12/2008	11A4	4.6	6.00	
36	054405	TRẦN HOÀNG PHÚC	05/09/2008	11A4	4.2	6.75	
37	054407	LÊ HỮU PHƯỚC	10/06/2008	11A4	1.85	4.50	
38	054413	LÊ HÀ PHƯƠNG	11/03/2008	11A4	4.1	2.75	
39	054414	VŨ THU PHƯƠNG	01/01/2007	11A4	4.25	7.00	
40	054443	LÃ DƯƠNG PHƯƠNG THANH	07/08/2008	11A4	3.25	6.50	
41	054446	ĐỖ PHÚC THÀNH	19/11/2008	11A4	3.6	5.00	
42	054462	VŨ NGUYỄN ANH THU	21/10/2008	11A4	3.25	7.50	
43	054487	ĐINH PHƯƠNG TRƯỜNG	05/10/2008	11A4	2.85	4.75	
44	054488	VŨ DANH TRƯỜNG	09/04/2008	11A4	5.25	5.00	
45	054492	BÙI MINH TÚ	10/01/2008	11A4	3.5	4.25	
46	054496	VŨ THẾ TUỆ	20/09/2008	11A4	6	5.75	
47	054500	ĐINH VĂN TUYỀN	26/08/2008	11A4	3.1	3.75	
			>=5	>=5	9	32	
			TĐ	TĐ	186.7	250.25	
			BQ	BQ	3.97	5.32	

KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LỚP 11A5

Năm học 2024 - 2025

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Ghi chú
1	054139	LÊ PHƯƠNG ANH	14/02/2008	11A5	3.35	6.00	
2	054140	LÊ THỊ ANH	19/12/2008	11A5	4.1	7.25	
3	054141	NGUYỄN HUY ANH	08/08/2008	11A5	4.75	5.50	
4	054169	LƯU HOÀNG BÁCH	02/09/2008	11A5	4.5	4.25	
5	054173	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	24/06/2008	11A5	6.75	4.50	
6	054177	ĐÀO QUỲNH CHI	28/03/2008	11A5	2.95	5.25	
7	054178	NGUYỄN MAI CHI	27/03/2008	11A5	2.55	4.75	
8	054184	NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	30/11/2008	11A5	4.35	4.25	
9	054191	ĐINH THỊ NGỌC DIỄM	02/08/2008	11A5	4.1	6.00	
10	054207	ĐÀO DUY DŨNG	01/08/2008	11A5	4	5.25	
11	054208	ĐỖ MẠNH DŨNG	10/11/2008	11A5	4.5	5.50	
12	054209	NGUYỄN HÙNG DŨNG	05/10/2008	11A5	3.6	4.00	
13	054210	TRƯƠNG VŨ ANH DŨNG	01/02/2008	11A5	3.5	5.25	
14	054218	PHAN ĐỨC DƯƠNG	24/11/2007	11A5	3.85	3.00	
15	054221	CAO VĂN DUY	14/10/2008	11A5	3.25	5.50	
16	054229	HOÀNG LONG GIANG	01/10/2008	11A5	4.1	4.50	
17	054230	NGUYỄN HOÀNG GIANG	14/03/2008	11A5	6.75	7.00	
18	054232	NGUYỄN HẢI HÀ	25/01/2008	11A5	2.95	6.00	
19	054254	NGUYỄN DIỆU HOA	12/06/2008	11A5	4.75	6.00	
20	054255	NGUYỄN THU HOÀI	15/04/2008	11A5	3.35	6.25	
21	054272	NGUYỄN MAI HƯƠNG	03/03/2008	11A5	4	6.00	
22	054299	NGUYỄN QUÝ HẢI LÂM	03/07/2008	11A5	3.25	4.75	
23	054300	NGUYỄN TRƯỜNG LÂM	21/11/2008	11A5	3.35	6.00	
24	054318	CAO THUY LINH	30/08/2008	11A5	3.75	5.00	
25	054319	PHÙNG MAI LINH	22/12/2008	11A5	4	5.50	
26	054331	LƯU PHƯƠNG LOAN	04/10/2008	11A5	4.75	5.75	
27	054362	VŨ HÀ MỸ	05/10/2008	11A5	3.75	3.75	
28	054370	NGUYỄN THỊ THANH NGA	18/11/2008	11A5	6	5.25	
29	054377	TRẦN ĐẠI NGHĨA	02/04/2008	11A5	7.25	4.75	
30	054395	ĐẶNG GIA NHƯ	16/10/2008	11A5	4	4.25	
31	054396	LÊ KHÁNH NHƯ	10/12/2008	11A5	4.75	5.00	
32	054415	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG PHƯƠNG	27/10/2008	11A5	3.1	7.50	
33	054420	ĐỖ MINH QUÂN	05/11/2008	11A5	2.75	5.00	
34	054432	ĐẶNG BẢO QUỲNH	04/08/2008	11A5	3.5	4.75	
35	054447	HOÀNG LÊ TÂN THÀNH	10/05/2008	11A5	4.75	5.00	
36	054458	NGUYỄN THỊ MINH THU	11/09/2008	11A5	2.6	7.50	
37	054465	NGUYỄN THU THUY	19/11/2008	11A5	2.25	5.25	
38	054467	NGUYỄN CHU ĐAN THY	06/08/2008	11A5	4.35	4.50	
39	054468	PHẠM NGỌC THUY TIÊN	03/01/2008	11A5	5	5.50	
40	054485	NGUYỄN NGỌC TRÚC	04/11/2008	11A5	2.25	2.75	
41	054486	NGUYỄN BẢO TRUNG	26/01/2008	11A5	4	5.50	
42	054499	HÀ NGỌC TUYẾN	02/12/2008	11A5	5.25	6.25	
43	054512	NGUYỄN BẢO YẾN	20/02/2008	11A5	4.25	5.00	
			>=5	>=5	6	29	
			TĐ	TĐ	174.9	226.5	
			BQ	BQ	4.07	5.27	

KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LỚP 11A6

Năm học 2024 - 2025

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Ghi chú
1	054142	LÊ NGUYỄN DIỆP ANH	18/06/2008	11A6	2	2.75	
2	054143	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	15/01/2008	11A6	2	4.50	
3	054144	PHAN TUẤN ANH	03/01/2008	11A6	2	4.25	
4	054145	VŨ DUY ANH	03/03/2008	11A6	2.2	3.75	
5	054146	VŨ HOÀNG ANH	24/05/2008	11A6	1.85	4.75	
6	054166	VŨ NGỌC ÁNH	07/08/2008	11A6	2.45	4.75	
7	054168	NGUYỄN VĂN BẮC	22/03/2008	11A6	2	3.25	
8	054192	NGUYỄN NGỌC DIỆP	29/02/2008	11A6	4	4.50	
9	054202	NGUYỄN DUY ĐỨC	07/12/2008	11A6	1.5	3.00	
10	054211	NGUYỄN TIẾN DŨNG	13/08/2008	11A6	2.85	4.50	
11	054212	VŨ TIẾN DŨNG	24/02/2008	11A6	3.35	5.00	
12	054222	NGUYỄN THẾ DUY	10/01/2008	11A6	4.2	6.50	
13	054236	DUƠNG ĐỨC HẢI	31/01/2008	11A6	2.5	5.00	
14	054279	LÊ ANH HUY	10/06/2008	11A6	3.35	4.50	
15	054280	NGUYỄN NGỌC HUY	14/09/2008	11A6	2.7	3.25	
16	054320	LÊ THỊ THÙY LINH	21/03/2008	11A6	1.45	5.50	
17	054321	VŨ NHẬT QUANG LINH	23/06/2008	11A6	2.1	1.75	
18	054344	PHẠM PHƯƠNG MAI	02/12/2007	11A6	3.25	4.00	
19	054356	NGUYỄN VĂN MINH	15/03/2008	11A6	3.5	1.50	
20	054371	LÊ HUYỀN NGÀ	20/02/2008	11A6	4.75	6.00	
21	054375	LÊ THỊ THỦY NGÂN	06/06/2008	11A6	4	5.25	
22	054387	VĂN TIẾN NHẬT	13/10/2008	11A6	2.7	1.75	
23	054391	ĐOÀN NGỌC THẢO NHI	22/06/2008	11A6	4.1	4.75	
24	054399	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	27/05/2008	11A6	3	6.25	
25	054406	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	15/09/2008	11A6	3.25	5.75	
26	054416	ĐỖ THỊ MINH PHƯƠNG	11/08/2008	11A6	3.75	7.25	
27	054421	PHAN MINH QUÂN	21/09/2008	11A6	2	2.00	
28	054425	NGUYỄN VĂN QUANG	06/11/2008	11A6	3.1	2.50	
29	054426	NGUYỄN VĂN QUÝ	11/11/2008	11A6	1.3	1.25	
30	054435	VŨ MINH SƠN	24/03/2008	11A6	1.95	3.00	
31	054451	BÙI PHƯƠNG THẢO	29/07/2008	11A6	2.85	6.25	
32	054452	HOÀNG PHƯƠNG THẢO	23/08/2007	11A6	1.7	4.50	
33	054454	NGUYỄN DUY THỊNH	12/12/2008	11A6	3.25	3.00	
34	054463	PHẠM THỊ THANH THUY	29/01/2008	11A6	2.75	7.00	
35	054471	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	15/03/2008	11A6	3.5	6.00	
36	054480	NGUYỄN THU TRANG	05/09/2008	11A6	2.75	6.00	
37	054489	DUƠNG XUÂN TRƯỜNG	26/12/2007	11A6	2.85	4.75	
38	054493	NGUYỄN ANH TÚ	03/09/2008	11A6	3.5	4.00	
39	054494	NGUYỄN BÁ TÚ	14/02/2008	11A6	2.25	2.00	
40	054498	NGUYỄN BÁ TÙNG	18/08/2008	11A6	2.35	0.50	
41	054508	LÊ CÔNG VINH	23/11/2008	11A6	4.6	5.50	
			>=5	>=5	0	14	
			TĐ	TĐ	115.5	172.25	
			BQ	BQ	2.82	4.2	

KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LỚP 11A7

Năm học 2024 - 2025

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Ghi chú
1	054147	DƯƠNG XUÂN ANH	26/12/2007	11A7	2.75	3.75	
2	054148	LÊ PHƯƠNG ANH	07/10/2008	11A7	2.85	3.50	
3	054149	NGUYỄN HẢI ANH	11/11/2008	11A7	3.1	3.75	
4	054150	NGUYỄN NGỌC ANH	16/02/2008	11A7	2.6	5.25	
5	054151	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	18/07/2008	11A7	2.5	5.75	
6	054152	NGUYỄN QUỲNH ANH	06/03/2008	11A7	3.2	6.25	
7	054153	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	29/09/2008	11A7	2.55	2.25	
8	054154	NGUYỄN THỊ MAI ANH	14/07/2008	11A7	4	5.75	
9	054174	ĐINH GIA BÌNH	29/12/2008	11A7	4.45	5.00	
10	054187	NGUYỄN VĂN HẢI ĐĂNG	10/07/2008	11A7	1.75	3.00	
11	054203	PHẠM NGUYỄN MINH ĐỨC	24/11/2008	11A7	4.25	3.50	
12	054219	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	21/03/2008	11A7	3.85	5.50	
13	054220	VŨ TRẦN ÁNH DƯƠNG	26/09/2008	11A7	3.35	5.00	
14	054226	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG DUYÊN	21/07/2008	11A7	5.2	7.00	
15	054264	NGUYỄN MẠNH HÙNG	24/02/2008	11A7	3	5.25	
16	054273	HOÀNG NGỌC THIÊN HƯƠNG	08/11/2008	11A7	2.5	4.00	
17	054281	DƯƠNG GIA HUY	19/01/2008	11A7	3.1	4.25	
18	054292	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	08/10/2008	11A7	4	3.25	
19	054322	BÙI THỊ PHƯƠNG LINH	29/10/2008	11A7	2.5	4.25	
20	054323	NGUYỄN DIỆU LINH	30/09/2008	11A7	3.35	6.25	
21	054324	NGUYỄN ĐẠT BẢO LINH	23/01/2008	11A7	6	6.00	
22	054325	NGUYỄN HÀ LINH	16/11/2008	11A7	3.5	4.50	
23	054326	VŨ DIỆU LINH	08/08/2008	11A7	3.1	4.50	
24	054339	NGUYỄN PHƯƠNG LY	30/10/2008	11A7	3.25	5.75	
25	054345	PHẠM THỊ QUỲNH MAI	03/12/2008	11A7	4.25	5.75	
26	054357	ĐỖ NHẬT MINH	16/09/2008	11A7	3.35	3.00	
27	054358	PHÙNG TUYẾT MINH	29/12/2008	11A7	2.1	4.00	
28	054364	ĐÀO HUY NAM	01/04/2008	11A7	5.25	4.00	
29	054376	ĐOÀN THU NGÂN	08/02/2008	11A7	3.5	5.00	
30	054392	NGUYỄN YẾN NHI	02/11/2008	11A7	2.75	5.50	
31	054393	VŨ HUYỀN NHI	12/04/2008	11A7	4.25	5.75	
32	054422	NGUYỄN HOÀNG MINH QUÂN	17/03/2008	11A7	2.7	5.00	
33	054427	LÊ TỔ QUYÊN	25/11/2008	11A7	4.85	5.50	
34	054430	ĐẶNG VĂN QUYÊN	01/05/2008	11A7	3.5	6.25	
35	054436	NGUYỄN HỮU THIẾT SƠN	09/12/2008	11A7	2.2	3.50	
36	054444	NGUYỄN THỊ HÀ THANH	25/08/2008	11A7	2.85	3.50	
37	054448	NGUYỄN VĂN THÀNH	01/03/2008	11A7	2.25	4.50	
38	054455	NGUYỄN HÙNG THỊNH	20/12/2008	11A7	3.35	6.00	
39	054473	NGUYỄN THANH TRÀ	21/08/2008	11A7	3	5.25	
40	054481	NGUYỄN THU TRANG	10/02/2008	11A7	4.5	2.50	
41	054482	PHẠM THÙY TRANG	03/03/2008	11A7	4.5	3.50	
42	054502	CHU ĐỨC VIỆT	15/12/2008	11A7	3.25	4.25	
43	054503	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	10/05/2008	11A7	3.25	2.25	
44	054509	NGUYỄN QUANG VINH	08/11/2008	11A7	2.25	4.75	
			>=5	>=5	3	21	
			TĐ	TĐ	148.6	203	
			BQ	BQ	3.38	4.61	

KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LỚP 11A8

Năm học 2024 - 2025

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Ghi chú
1	054155	LÊ DUY ANH	16/10/2007	11A8	5.25	6.00	
2	054156	TRẦN TÚ ANH	24/03/2008	11A8	5.75	4.00	
3	054157	TRỊNH MINH ANH	10/09/2008	11A8	3.75	6.50	
4	054167	ĐOÀN NGỌC ÁNH	18/10/2008	11A8	2.5	5.00	
5	054179	NGUYỄN QUỲNH CHI	31/10/2008	11A8	3.1	5.25	
6	054185	NGUYỄN BÁ QUẢNG ĐẠI	25/09/2008	11A8	3.5	4.50	
7	054193	LÃ THỊ NGỌC DIỆP	31/07/2008	11A8	5.25	5.50	
8	054195	TRỊNH GIA DIỆP	11/03/2008	11A8	3.5	3.75	
9	054213	NGUYỄN TRUNG DŨNG	25/09/2008	11A8	4.2	5.50	
10	054214	PHẠM TIẾN DŨNG	27/06/2008	11A8	3.85	5.25	
11	054250	LƯU MINH HIẾU	13/11/2008	11A8	3.25	4.00	
12	054251	NGUYỄN TRUNG HIẾU	02/04/2008	11A8	3.2	4.00	
13	054259	LÊ HUY HOÀNG	24/05/2008	11A8	2.25	3.25	
14	054282	PHẠM GIA HUY	12/10/2008	11A8	3.6	4.50	
15	054287	NGUYỄN MẠNH KHẢI	15/10/2008	11A8	2.85	4.75	
16	054291	NGUYỄN DUY KHÁNH	01/03/2008	11A8	5.25	3.25	
17	054301	TRẦN THANH LÂM	01/06/2008	11A8	1.85	3.50	
18	054327	NGUYỄN DIỆU PHƯƠNG LINH	09/11/2008	11A8	4	5.25	
19	054328	NGUYỄN ĐÀO HOÀI LINH	25/11/2008	11A8	4.5	6.00	
20	054329	NGUYỄN ĐOAN KHÁNH LINH	01/09/2008	11A8	1.8	6.50	
21	054350	ĐÀO ĐỨC MẠNH	03/07/2008	11A8	3.5	5.75	
22	054359	LÊ NHẬT MINH	22/08/2008	11A8	3	2.50	
23	054360	NGUYỄN NHẬT MINH	23/08/2008	11A8	4	2.75	
24	054365	NGUYỄN THÀNH NAM	12/06/2008	11A8	4.75	6.50	
25	054383	LÊ MINH NGỌC	02/01/2008	11A8	5	5.75	
26	054394	NGUYỄN NGỌC BẢO NHI	06/11/2008	11A8	4.5	4.75	
27	054397	LƯU QUỲNH NHƯ	21/11/2008	11A8	2.25	5.50	
28	054398	NGUYỄN MINH NHƯ	26/10/2008	11A8	3.85	6.25	
29	054400	HOÀNG THỊ TUYẾT NHUNG	06/12/2008	11A8	2.35	4.75	
30	054417	NGUYỄN THU PHƯƠNG	23/07/2008	11A8	1.1	6.50	
31	054418	VŨ MINH PHƯƠNG	26/06/2008	11A8	3.5	5.75	
32	054428	NGUYỄN THỊ QUYÊN	19/04/2008	11A8	1.1	5.50	
33	054429	VŨ HỒNG QUYÊN	12/03/2008	11A8	3.35	8.00	
34	054437	ĐOÀN VĂN SƠN	24/09/2007	11A8	1.85	4.25	
35	054438	LÊ NGỌC SƠN	26/08/2008	11A8	2.6	4.25	
36	054469	NGÔ ĐẠI TIỀN	17/08/2008	11A8	3	4.75	
37	054472	NGUYỄN QUANG TOÀN	01/11/2008	11A8	3.75	6.25	
38	054483	NGUYỄN MAI TRANG	18/11/2008	11A8	2.6	2.00	
39	054504	TRẦN HẢI VIỆT	03/06/2008	11A8	3.1	2.75	
			>=5	>=5	5	20	
			TĐ	TĐ	132.35	190.75	
			BQ	BQ	3.39	4.89	

KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LỚP 11A9

Năm học 2024 - 2025

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Ghi chú
1	054120	VŨ TÀI HẢI AN	07/12/2008	11A9	2.75	5.25	
2	054158	HOÀNG PHƯƠNG ANH	10/10/2008	11A9	5.25	8.00	
3	054159	LÊ NGỌC ANH	22/03/2008	11A9	5.6	2.50	
4	054160	LIU NGOC ANH	31/12/2008	11A9	4	5.50	
5	054161	NGUYỄN XUÂN ANH	25/08/2008	11A9	2.1	3.00	
6	054170	MA XUÂN BẢNG	10/07/2008	11A9	5.1	5.75	
7	054171	LIU GIA BẢO	26/08/2008	11A9	3.5	7.25	
8	054181	DƯƠNG NHẬT CƯỜNG	24/09/2007	11A9	2.7	6.50	
9	054186	TRẦN THỂ ĐAN	13/11/2008	11A9	3	6.00	
10	054194	NGUYỄN HỒNG DIỆP	27/01/2008	11A9	4.1	5.50	
11	054204	DƯƠNG MINH ĐỨC	01/10/2008	11A9	2.75	6.50	
12	054223	BÙI KHÁNH DUY	22/02/2008	11A9	-1	6.00	
13	054224	LÊ ANH DUY	06/03/2008	11A9	4.25	7.00	
14	054237	DƯƠNG HOÀNG LONG HẢI	13/12/2008	11A9	4.75	4.50	
15	054239	ĐỖ NGỌC HÂN	05/03/2008	11A9	3.6	5.25	
16	054240	NGUYỄN GIA HÂN	13/10/2008	11A9	3.25	5.25	
17	054252	NGUYỄN XUÂN HIẾU	24/08/2008	11A9	4.1	5.75	
18	054260	LÊ TRẦN HUY HOÀNG	14/08/2008	11A9	3.25	-1.00	
19	054261	NGUYỄN DUY HOÀNG	15/01/2008	11A9	3.1	3.00	
20	054265	NGUYỄN TUẤN HÙNG	06/10/2007	11A9	1.75	2.75	
21	054268	NGUYỄN VĂN HÙNG	06/10/2008	11A9	3.75	5.50	
22	054274	NGÔ MAI HƯƠNG	09/07/2008	11A9	3.1	6.50	
23	054275	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	20/09/2007	11A9	3.35	4.00	
24	054286	NÔNG KHÁNH HUYỀN	30/01/2006	11A9	2.85	5.50	
25	054330	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	20/01/2008	11A9	5.1	7.25	
26	054335	TRINH ĐỨC LƯƠNG	27/08/2008	11A9	3.1	3.50	
27	054346	PHÙNG THANH MAI	01/10/2008	11A9	5	6.25	
28	054351	ĐẶNG SỸ MẠNH	26/10/2008	11A9	2.85	5.25	
29	054366	HOÀNG PHƯƠNG NAM	22/08/2008	11A9	3	5.75	
30	054367	LƯƠNG BÙI HOÀNG NAM	16/07/2008	11A9	2.95	6.25	
31	054368	TRẦN VIỆT THÀNH NAM	30/11/2008	11A9	2.75	2.75	
32	054384	BÙI MINH NGỌC	27/12/2008	11A9	2.35	4.75	
33	054386	NGUYỄN NGỌC TRANG NGUYỄN	27/04/2008	11A9	2.75	6.00	
34	054408	PHÙNG HỮU PHƯỚC	17/06/2008	11A9	3.5	-1.00	
35	054431	NGUYỄN ĐỨC QUYỀN	10/05/2007	11A9	1.35	2.50	
36	054445	NGUYỄN VIỆT THANH	09/07/2008	11A9	3.5	3.75	
37	054453	NGUYỄN SĨ THIÊN	12/08/2008	11A9	3.1	3.50	
38	054456	CÁN THỊ THƠM	25/12/2008	11A9	3	8.00	
39	054457	NGUYỄN ĐẮC THÔNG	19/07/2008	11A9	3.7	7.75	
40	054484	ĐẶNG QUỲNH TRANG	25/08/2008	11A9	3.75	5.50	
41	054495	DƯƠNG ANH TUẤN	15/02/2008	11A9	3.1	5.75	
42	054505	HỒ QUỐC VIỆT	07/07/2008	11A9	2.35	5.25	
43	054510	DƯƠNG LÊ VY	09/08/2008	11A9	4	7.25	
			>=5	>=5	5	29	
			TĐ	TĐ	142.15	217.75	
			BQ	BQ	3.31	5.06	